

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24/08/2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nguyệt;

2. Bà Nguyễn Thị Túy Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 243/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị Th, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ô 6B TDC04, khu phố 4, phường A, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương; tạm trú: 3A/434/21 khu phố B, phường B, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Nguyên Ngh, sinh năm 1973; nơi cư trú: Ô 6B TDC04, khu phố 4, phường A, thành phố Th, tỉnh Bình Dương; tạm trú: 3A/434/21 khu phố B, phường B, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đào Thị Th trình bày:

Bà Đào Thị Th và ông Trần Nguyên Ngh quen biết và tự nguyện tìm hiểu sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình vào 20/7/2015 theo giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyền số 01/2015 (đăng ký lại). Thời gian đầu sau khi kết hôn bà Đào Thị Th và ông Trần Nguyên Ngh sống hạnh phúc, sau đó bà Đào Thị Th và ông Trần Nguyên Ngh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cả hai không tìm được tiếng nói chung, ông Ngh không quan tâm chăm sóc vợ con, không phụ giúp kinh tế gia đình mà còn gây nợ nần. Bà Đào Thị Th xác định tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông Trần Nguyên Ngh.

Về con chung: Bà Đào Thị Th và ông Trần Nguyên Ngh có 02 con chung tên Trần Nguyên H, sinh ngày 19/5/1997 và Trần Nguyên H, sinh ngày 21/4/2009, ngoài ra không còn con chung, con riêng nào khác. Sau khi ly hôn bà Đào Thị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung tên Trần Nguyên H, sinh ngày 21/4/2009; con chung tên Trần Nguyên H, sinh ngày 19/5/1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đào Thị Th không yêu cầu ông Trần Nguyên Ngh cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Trần Nguyên Ngh đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc để cung cấp lời khai, hòa giải và tham gia phiên tòa.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định; bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ và nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đào Thị Th và ông Trần Nguyên Ngh.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

- Về quan hệ pháp luật: Bà Đào Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Nguyên Ngh và yêu cầu nuôi con chung nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trần Nguyên Ngh có nơi cư trú: Ô 6B TDC04, khu phố 4, phường A, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương; tạm trú: 3A/434/21 khu phố B, phường B, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Đào Thị Th và ông Trần Nguyên Ngh tìm hiểu và tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình vào 20/7/2015 theo giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyển số 01/2015 (đăng ký lại) là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà Đào Thị Th xác định sau khi chung sống với nhau được thời gian đầu hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau không còn tiếng nói chung, ông Ngh không quan tâm chăm sóc vợ con, không phụ giúp kinh tế gia đình mà còn gây nợ nần. Hiện nay nguyên đơn bà Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Ngh. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông Ngh không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, mỗi người có một cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc yêu cầu được ly hôn với ông Ngh.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Đào Thị Th và ông Trần Nguyên Ngh có 02 con chung tên Trần Nguyên H, sinh ngày 19/5/1997 và Trần Nguyên H, sinh ngày 21/4/2009, ngoài ra không còn con chung, con riêng nào khác. Sau khi ly hôn bà Đào Thị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung tên Trần Nguyên H, sinh ngày 21/4/2009; con chung tên Trần Nguyên H, sinh ngày 19/5/1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Th xác định cháu H đang ở với bà Th và tại biên bản lấy lời khai ngày 15/6/2023 cháu H xác định muốn ở cùng với mẹ là bà Th. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Th về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục tên Trần Nguyên H, sinh ngày 21/4/2009.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện bà Đào Thị Th không yêu cầu ông Trần Nguyên Ngh cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Đào Thị Th và ông Trần Nguyên Ngh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 244, Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Th đối với bị đơn ông Trần Nguyên Ngh về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị Th được ly hôn ông Trần Nguyên Ngh.

- Về con chung: Bà Đào Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung tên Trần Nguyên H, sinh ngày 21/4/2009; con chung tên Trần Nguyên H, sinh ngày 19/5/1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đào Thị Th về việc không yêu cầu ông Trần Nguyên Ngh cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Đào Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004144 ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Hiệp